

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK20+TD5+BK8	7:25	2+20+0	0+0+0		0+21+1	0+0+0	
2		BK16+PPD+TD3	7:25	3+9+10	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
3		CLI+GTCL+CTK3	7:25	15+6+1	0+0+0		12+4+6	0+0+0	
4		PVD1+TD5	7:25	19+3	0+0		16+6	0+0	
5		RP3+RP1+CTK3	9:25	0+0+12	0+0+0		4+0+18	0+0+0	CHUYEN 6 RP3- RP1
6		P6+TTC2+AMD	9:25	2+1+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
7		P1+PPD	9:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
8		CTK3+P9+AMD	9:25	16+3+3	0+0+0		13+2+7	0+0+0	
9		BK6+CTK3+BK16	11:25	10+7+4	0+0+0		3+8+10	0+0+0	
10		CLI+BK20+RC3	11:25	22+0+0	0+0+0		19+2+1	0+0+0	
11		P8+TD1+PVD1	11:25	11+2+9	0+0+0		0+0+21	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/6 NGƯỜI CTC1 VỀ QUA PVD1, 1 người P7 về qua TD3
2/ ĐI VỀ TRONG NGÀY CLI-3 NG, BK20-1 NG, BK16-2NG,

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/11/2022	TO: BK20 - TD5 - BK8	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐỨC - TĐông - DSon	ETA: 09:40
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG KHANH	BK20					85	DK9	Vietnamese
2	ĐẶNG TUẤN ANH	BK20	55	1	8	95	85	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN NHƯ Y	TD5					81	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN SỰ	TD5					83	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN HIỀN	TD5	34	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN DUY ĐỨC	TD5	19	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY KHÁNH	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH DƯƠNG	TD5	25-26	2	9		73	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ XUÂN ANH	TD5	32	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD5					65	KHOAN	Vietnamese
11	LÂM VĂN HẠNH	TD5	29	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM ĐĂNG KHÔI	TD5	20-21	2	10		87	KHOAN	Vietnamese
13	TRỊNH DUY THANH	TD5	28	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	30	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
15	BUI TÂN BÌNH	TD5	24	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	22-23	2	15		53	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ VIỆT THẮNG	TD5	36	1	6		59	KHOAN	Vietnamese
19	TRỊNH ĐẮC MINH	TD5	31	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
20	ĐẠO THẾ VŨ	TD5	27	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
21	KARPUNIN ALEXEY	TD5	35	1	15		95	KHOAN	Russian
22	NGUYỄN VĂN THỜI	TD5	33	1	14		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

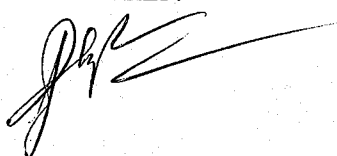
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	2	1	8	170	95	0		
2	TD5	20	18	117	1.480	0	21		
3	BK8	0	0	0	0	9	1		
TOTAL		22	19	125	1.650	104	22		
WEIGHT KG				125	1.650	104			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	TO: BK16 - PPD - TD3	CREW: MTHAO - VThăng - PTUẤN	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CÂN	BK16	39	1	3	20	61	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TUẤN ANH	BK16	37	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM ĐỨC BÌNH	BK16	38	1	13		77	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ CHÍ KIẾN	PPD	22	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ VIỆT ANH	PPD	33	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN HOAI BAO	PPD	34	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	29	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	30	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NGOC DUNG	PPD	32	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ HỒ HAI	PPD	28	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN KHẮC LÂM	PPD	34	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	27	1	9	70	72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3				20	71	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN KHOA	TD3	82	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
15	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	80	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
16	BUI CÔNG SƠN	TD3	81	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN TUẤN ANH	TD3					90	KHOAN	Vietnamese
18	HÀ VĂN PHÚC	TD3					77	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN MINH THĂNG	TD3	88	1	3		120	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	87	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN CHIẾN THĂNG	TD3	78-79	2	14		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGÔ DUY THÀNH	TD3	86	1	9		71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	3	3	19	205	20	0		
2	PPD	9	9	52	636	70	10		
3	TD3	10	8	47	791	20	17		
TOTAL		22	20	118	1.632	110	27		
WEIGHT KG				118	1.632	110			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 03	TO: CLI - GTC1 - CTK3	CREW: CHIẾN - NPHÚ - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

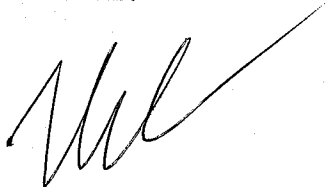
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GEFTMAN M.R.	CLI					90	KH-THAC	Russian
2	PHAN HUU THAI	CLI					67	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN MINH DUY	CLI					75	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH HAI	CLI	52	1	5		100	KH-THAC	Vietnamese
5	ДУЧЕНКО А.Л.	CLI	50	1	10	10	95	KH-THAC	Russian
6	TRINH LÊ TUÂN	CLI	48-49	2	8		78	KH-THAC	Vietnamese
7	КАРПЕНКО Б.А	CLI	51	1	10		90	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN NAM KHANH	CLI	20	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HAI DƯƠNG	CLI	22-23	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ХОРОШЕНКОВ А.А.	CLI	54-55	2	10		65	KH-THAC	Russian
11	BUI VIỆT PHƯƠNG	CLI	21	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THAM	CLI					70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH KHOA	CLI	19	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN DÂN	CLI	24-25	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG MANH THANG	CLI	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	GTC1	24-25	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HÙNG	GTC1	27	1	10	40	90	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGHĨA TÍN	GTC1	400	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN BÁC	GTC1	26	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HUU NHAN	GTC1	28	1	5		75	NIPI	Vietnamese
21	DINH MANH DUC	CTK3	50-51	2	10	45	70	SBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

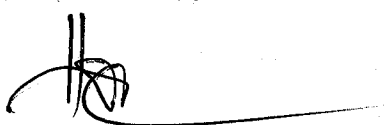
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	15	15	87	1.160	10	12		THAI QUANG HUY THAY CA CTK3
2	GTC1	5	6	40	370	40	4		
3	CTK3	1	2	10	70	45	6		
TOTAL		21	23	137	1.600	95	22		
WEIGHT KG				137	1.600	95			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 04	TO: PVD1 - TD5	CREW: TTrung - XTrường - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NIYATI ISSARAPREEDA	PVD1	18-19	2	21	60	71	BAKERHU	Thailand
2	DINH TRAN DUC TRI	PVD1	27-28	2	10		55	BAKERHU	Vietnamese
3	HUYNH VAN PHU	PVD1	20	1	3		74	PVD DD	Vietnamese
4	NGO THANH DOAN	PVD1	24	1	5		52	PVD DD	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THANG	PVD1	21	1	5		74	PVD DD	Vietnamese
6	DAO VAN SINH	PVD1	16-17	2	12		65	PVDO	Vietnamese
7	PHAM VAN DUONG	PVD1	25-26	2	7		70	PVDO	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TUAN	PVD1	13	1	5		74	PVDO	Vietnamese
9	NGUYEN DOAN BAO TRUNG	PVD1	22	1	5		75	PVDO	Vietnamese
10	LUU VAN LOI	PVD1	33-34	2	20		71	PVDO	Vietnamese
11	NGO VAN TAO	PVD1	10	1	5		60	PVDO	Vietnamese
12	HUYNH TAN DUYEN	PVD1	23	1	5		61	PVDO	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC HUNG	PVD1	14-15	2	13		75	PVDO	Vietnamese
14	NGUYEN MANH CUONG	PVD1	11	1	5		59	PVDO	Vietnamese
15	VU VAN TANG	PVD1	12	1	5		67	PVDO	Vietnamese
16	DO MINH HAI	PVD1	29	1	6		70	PVDO	Vietnamese
17	DAO VAN TIEN	PVD1	30-31	2	10		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN CONG NGHIA	PVD1	32	1	5		57	PSV	Vietnamese
19	DUONG QUOC VIET	TD5	94-95	2	12	30	84	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN THANH BACH	TD5	96	1	7		75	T-TIN	Vietnamese
21	DAO XUAN HOA	TD5	97	1	13	18	50	T-TIN	Vietnamese
22	PHAM QUANG HUY	TD5	37	1	4		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	18	25	147	1.190	60	15		
2	TD5	4	5	36	274	48	7		
TOTAL		22	30	183	1.464	108	22		
WEIGHT KG				183	1.464	108			

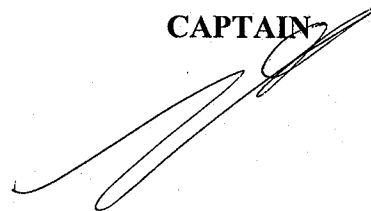
GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/11/2022	TO: RP3 - RP1 - CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:05
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐỨC - TĐông - DSơn	ETA: 11:55
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOGDANOV	CTK3	37	1	7		81	KH-THAC	Russian
2	TRINH QUỐC HUY	CTK3	35	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	36	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN SAU	CTK3	29	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN DU	CTK3	28	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRỌNG LINH	CTK3	01	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	26	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN BA HUỆ	CTK3	27	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
9	LE THANH CHUNG	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO QUANG THANG	CTK3	02	1	7	15	82	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN CAO TUAN	CTK3	33	1	10	10	65	CDIEN	Vietnamese
12	TRAN DUC DAT	CTK3	31-32	2	14	20	65	CDIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	0	0	0	0	0	4	6	CHUYEN 6 PAX RP3-RP1
2	RP1	0	0	0	0	0	0		
3	CTK3	12	12	71	840	45	18		
TOTAL		12	12	71	840	45	22		
WEIGHT KG				71	840	45			

GRAND TOAL: 956 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/11/2022	TO: P6 - TTC2 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Mạnh - N.Nam	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG KHOA	P6	83	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN VIỆT	P6	84	1	5	50	67	GETRACO	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU HỒ	TTC2	46	1	7		67	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN ĐẠI NGHĨA	AMD	95	1	5		70	HLJOC	Vietnamese
5	TRÌNH THUƠNG MẠI	AMD	30-31	2	10		60	TLJOC	Vietnamese
6	THAN CANH THỊNH	AMD	35-36	2	16		74	TLJOC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN AN	AMD	39	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI MINH KHA	AMD	40,90	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ SỸ KHÔI	AMD	25	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN LÊ HÒA	AMD	27	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	34	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
12	LÝ CAO THĂNG	AMD	37	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH ANH BAO	AMD	900	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIẾU	AMD	91	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN TRƯỜNG	AMD	38	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	26	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	28	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG CÔNG TÂN	AMD	93-94	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HUYNH PHÚC AM	AMD	32-33	2	10	50	70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	AMD	92	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ PHAN NGỌC CHÂU	AMD	96	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN DÂN	AMD	29	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

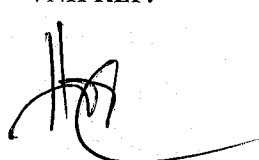
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	2	2	10	132	50	0		
2	TTC2	1	1	7	67	0	0		
3	AMD	19	24	143	1.327	50	22		
TOTAL		22	27	160	1.526	100	22		
WEIGHT KG				160	1.526	100			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

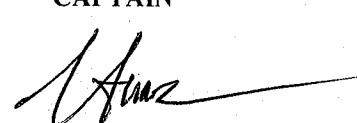
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/11/2022	TO: P1 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TTrung - XTrường -	ETA: 11:45
cam-2		MQUN	

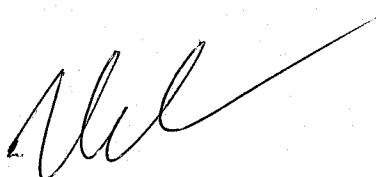
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG SƠN	P1				21	57	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P1	03-05	3	15	40	59	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẶNG XUAN HAI	PPD	21	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
4	DUƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	08	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PPD				27	61	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG NGỌC TRƯỜNG	PPD	20	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH THẮNG	PPD	15	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐỨC TÔN	PPD	14	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯƠNG VĂN TĂNG	PPD	13	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	11	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THANH KIM	PPD	12	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM TRỌNG ĐẠI	PPD	06	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẠO MẠNH HUY	PPD	10	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG GIA TRI	PPD	07	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HOANG KHANH	PPD	17	1	7		70	KHI	Vietnamese
16	TRẦN QUỐC KHÁNH	PPD	19	1	8		58	KHI	Vietnamese
17	KIỀU VĂN DANH	PPD	18	1	11		59	KHI	Vietnamese
18	ARTYUSHIN SERGEY	PPD	05	1	9		90	ANTOAN	Russian
19	NGUYỄN HAI TRUNG	PPD	16	1	3		62	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT TOÀN	PPD	02	1	6		91	PSV	Vietnamese
21	LE TRAN MINH KHANH	PPD	9	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	2	3	15	116	61	0		
2	PPD	19	18	112	1.303	27	22		
TOTAL		21	21	127	1.419	88	22		
WEIGHT KG				127	1.419	88			

GRAND TOAL: 1.634 KGS

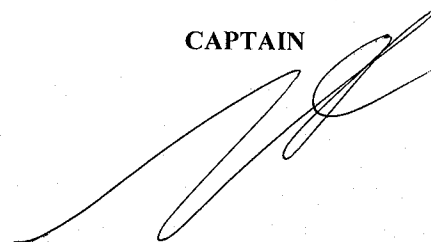
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	TO: CTK3 - P9 - AMD	CREW: MTHAO - VThắng - PTUẤN	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	05	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	CTK3	09	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	07	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ TRUNG KIẾN	CTK3	06	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG LỘC	CTK3	10	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI HỮU HUÂN	CTK3	11	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH DŨNG	CTK3	79-81	3	28		93	KH-THAC	Vietnamese
8	TRỊNH VIỆT THẮNG	CTK3	02	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	01,87	2	21		58	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ HỮU HÀ	CTK3	08	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO HỮU ĐỨC	CTK3	82-83	2	10		92	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN CUÔNG	CTK3	12	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN KHUÔNG	CTK3	77	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
14	DAM VĂN THANH	CTK3	78	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HIỆP THANH	CTK3	04	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
16	PHÙNG BA ĐỆ	CTK3	84-86	3	18		71	CODIEN	Vietnamese
17	HOÀNG HỮU VINH QUY	P9	78-79	2	11		74	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN HOÀN	P9	80-81	2	12	35	56	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY BAI	P9	77	1	12		79	CODIEN	Vietnamese
20	TRẦN CAO TẠNG	AMD	43	1	7	70	75	PSV	Vietnamese
21	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	44	1	5		59	PSV	Vietnamese
22	KHUC NGỌC HIỆU	AMD	41-42	2	18		79	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	22	164	1.173	0	13		
2	P9	3	5	35	209	35	2		
3	AMD	3	4	30	213	70	7		
TOTAL		22	31	229	1.595	105	22		
WEIGHT KG				229	1.595	105			

GRAND TOAL: 1.929 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: 09	TO: BK6 - CTK3 - BK16	CREW: TUYỀN - Mạnh - N.Nam	ETA: 13:50
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN PHÚ	BK6	31	1	12	15	70	CODIEN	Vietnamese
2	LUONG XUAN QUANG	BK6	99	1	16		57	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐÀO MINH TIỀN	BK6	65	1	10	15	65	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN MINH TÀI	BK6	97	1	11		67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HUNG	BK6	98	1	12	15	53	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ THAI ANH	BK6	29-30	2	18		76	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH SƠN	BK6	94-95	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN SỸ	BK6	95-96	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ TUẤN ANH	BK6	92	1	15	13	75	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐÀO VĂN HOÀN	BK6	28	1	12		73	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHE	BK6	91	1	6		66	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH HUNG	CTK3	25	1	18		93	XAYLAP	Vietnamese
13	NGO ĐỨC THUẬN	CTK3	24	1	11		68	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VĂN THẮNG	CTK3	22-23	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ PHƯƠNG HUY	CTK3	20	1	9		65	DK9	Vietnamese
16	BUI SONG TOÀN	CTK3	21	1	7		74	DK9	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	BK16	31	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO KIM CUONG	BK16	33	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ MINH THẮNG	BK16	34-35	2	6		69	KH-THAC	Vietnamese
20	LIU ĐỨC TUẤN	BK16	32	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	11	14	147	730	58	4		
2	CTK3	5	6	63	365	0	8		
3	BK16	4	5	20	272	0	10		
TOTAL		20	25	230	1.367	58	22		
WEIGHT KG				230	1.367	58			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

10' bay đã lấy manifest.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/11/2022	TO: CLI - BK20 - RC3	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:05
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - Toan	ETA: 13:55
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CONG PHUONG	CLI	93-94	2	22	35	71	LONG VU	Vietnamese
2	PHAM VAN PHUONG	CLI	96	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
3	MAI QUOC HUNG	CLI	09	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VAN HOANG	CLI	13	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG MINH TAM	CLI	03-05	3	17		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH TRUONG	CLI	88-89	2	19		74	LONG VU	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC THANG	CLI	01	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
8	VU LAM DIEN	CLI	15-16	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN TUAN	CLI	12	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG NAM	CLI	90-91	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO DINH VAN	CLI					69	KH-THAC	Vietnamese
12	HÔ TRUNG QUAN	CLI	92	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TAN HAU	CLI	17	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN BINH	CLI	44-45	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
15	TA THANH QUANG	CLI	46	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG DINH HUAN	CLI	14	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH THE ANH	CLI				22	70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM THANH HAI	CLI	06-07	2	9		82	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM ĐỨC TAI	CLI	02	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
20	BAEV YURY	CLI	95	1	7		86	ANTOAN	Russian
21	NGUYEN DINH TUYEN	CLI	10-11	2	10		65	YTE	Vietnamese
22	VU HUU TRUONG	CLI	18	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	29	176	1.576	57	19		
2	BK20	0	0	0	0	0	2		
3	RC3	0	0	0	0	15	1		
TOTAL		22	29	176	1.576	72	22		
WEIGHT KG				176	1.576	72			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

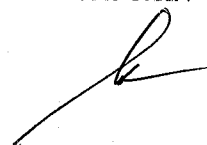
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/11/2022	TO: P8 - PVD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - Vũ	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG VĂN TUYẾN	P8	93	1	14		95	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG MINH	P8	99	1	12		94	XAYLAP	Vietnamese
3	QUÁCH XUÂN THƯƠNG	P8	46-47	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN VƯỢNG	P8	91-92	2	14		71	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ QUANG HIỂU	P8	90	1	15		115	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH KHANH	P8	43-44	2	18		51	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM PHƯƠNG DUNG	P8	97	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH PHỤNG	P8	95-96	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN ĐÌNH THANH	P8	2000,42	2	20		51	XAYLAP	Vietnamese
10	THAI ĐỨC DUNG	P8	45	1	11		85	XAYLAP	Vietnamese
11	HOÀNG TRUNG ĐỨC	P8	94	1	8		76	PSV	Vietnamese
12	LÊ HUY	P8	98	1	10	12	70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN DOAN	PVD1	39-40	2	20		65	PVDIN	Vietnamese
14	TRẦN TỬ LONG	PVD1	38	1	5		68	PSV	Vietnamese
15	BUI SY XUAN	PVD1	88-89	2	14		62	PVDWS	Vietnamese
16	NGUYỄN HUNG SON	PVD1	47-48	2	16		65	BH	Vietnamese
17	ÔNG VĂN NAM	PVD1	41	1	14		60	BH	Vietnamese
18	ĐẠO DUY KHANH	PVD1	46	1	14		82	BH	Vietnamese
19	TẠ KIM HAI	PVD1	43	1	7	15	80	PVD-LOG	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNG ANH DUNG	PVD1	44-45	2	18		69	PVD-LOG	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH TUÂN	PVD1	42	1	10		72	PVD-LOG	Vietnamese
22	VŨ VĂN TUONG	PVD1	90	1	7		75	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	12	17	172	927	12	0		
2	PVD1	10	14	125	698	15	19		
TOTAL		22	31	297	1.625	27	19		
WEIGHT KG				297	1.625	27			

GRAND TOAL: 1.949 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN